

Số: /QĐ-SNN

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-SNN ngày 27/09/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cơ quan Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định (theo biểu số 2 đính kèm).

Hình thức công khai: thực hiện công khai ngân sách trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở và Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Đắc Chương

Đơn vị: **Cơ quan Văn Phòng Sở Nông nghiệp và PTNT**

Chương: **412**

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày /10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2024	-58.866.659	
I	Nguồn ngân sách trong nước	-58.866.659	
1	Chi quản lý hành chính (340-341)	-45.750.394	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-22.542.077	
	Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	-22.542.077	13-341
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-23.208.317	
	KP Nghiệp vụ quản lý chuyên ngành, đặc thù	-15.750.000	12-341
	KP phục vụ xử phạt VPHC theo TT18/2023/TT-BTC	-6.011.840	12-341
	KP Tổ giúp việc và Ban giám sát Yếu sào	-1.350.000	12-341
	KP mua sắm, sửa chữa tài sản	-96.477	12-341
2	Chi sự nghiệp	-13.116.265	
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	<i>0</i>	
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>-13.116.265</i>	
2.1	Chi sự nghiệp nông nghiệp (280-281)	-5.430.550	
2.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-5.430.550	
	KP triển khai xây dựng cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn và chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	-5.430.550	12-281
2.2	Chi sự nghiệp nông nghiệp (280-283)	-2.485.715	
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-2.485.715	
	KP phòng chống thiên tai	-2.485.715	12-283
2.3	Chi sự nghiệp thủy sản (280-284)	-2.500.000	
2.3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-2.500.000	
	KP phòng chống dịch bệnh Thủy sản	-2.500.000	12-284
2.4	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo (070-083)	0	
2.4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	
2.5	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo (070-085)	-2.700.000	
2.5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-2.700.000	
	KP tập huấn quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	-2.700.000	12-085